

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 02/2017/HNGĐ – ST

Ngày: 29 tháng 11 năm 2017

V/v: “*Ly hôn giữa chị P và
anh N*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Hà Đức Trưởng;

Ông: Bùi Hồng Đào.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đào Văn Chí – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:*
Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2017/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2017/QĐXX-ST ngày 15 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Hà Thị P**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn: Ông Lã Thành C – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ

(có mặt);

Bị đơn: **Anh Hà Văn N**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2017 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Hà Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn N trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 05/10/2001, anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Th, tỉnh Phú Thọ (*nay là huyện T, tỉnh Phú Thọ*). Sau khi kết hôn vợ chồng chị ở cùng với bố mẹ chồng tại xóm C, xã T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 (hai) năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh N say mê Rượu chè, Cờ bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, gia đình không hòa thuận, đầm ấm.

Vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình, khuyên bảo nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Năm 2014, do mâu thuẫn căng thẳng nên chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, chị có gửi tiền về cho gia đình nhưng anh N chơi cờ bạc hết. Hiện anh, chị đã ly thân, chấm dứt mọi quan hệ, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau. Vì vậy, chị P đề nghị Tòa án nhân dân huyện T cho chị ly hôn với anh N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị có 02 (hai) con chung là cháu Hà Văn T, sinh ngày 24/01/2001 và cháu Hà Thị Th, sinh ngày 18/12/2010. Khi ly hôn, các cháu muốn ở cùng bố hoặc mẹ phụ thuộc vào nguyện vọng của các cháu.

Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị P đề nghị Hội đồng xét xử chấp N yêu cầu của chị P, cho chị P được ly hôn anh N để bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ; giao cháu Th cho chị P, giao cháu T cho anh N theo đúng nguyện vọng của các cháu. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của chị P và anh N trong vụ án này.

Tại bản tự khai ngày 20/10/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, anh Hà Văn N trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Anh N xác nhận thời điểm kết hôn, thời gian vợ chung sống, thời gian ly thân của vợ chồng như anh N trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị P đã trình bày, theo anh N đó chỉ là quan điểm của chị P, về phía mình, anh N thấy rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Anh N vẫn còn tình cảm với chị P, anh xin đoàn tụ với chị P để cùng nhau lo cho con cái.

Về con chung: Anh N xác N vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Văn T sinh ngày 24/01/2001 và cháu Hà Thị Th, sinh ngày 18/12/2010. Nếu vợ chồng phải ly hôn, anh N đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con chung. Nếu anh nuôi cả hai cháu, anh không yêu cầu chị P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án, anh N không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn, Bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật;

Về nội dung giải quyết vụ án: Chị P và anh N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh N là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình chấp N yêu cầu xin ly hôn của chị P. Về con chung: đề nghị áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Hà Văn T sinh ngày 24/01/2001 cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên; giao cháu Hà Thị Th, sinh ngày 18/12/2010 cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn, Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí dân sự, chị P phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Hà Thị P có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cho chị xin ly hôn với anh Hà Văn N. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị P vắng mặt. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện T đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ liên quan đến nội dung vụ án, đồng thời chị P có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt Nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ngày 05/10/2001, chị Hà Thị P và anh Hà Văn N đã đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Th, tỉnh Phú Thọ (*nay là huyện T, tỉnh Phú Thọ*), thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 14, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị P vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được 02 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là bất đồng quan điểm, hai bên thường xuyên cãi nhau, gia đình không hòa thuận, đầm ấm. Anh N say mê Rượu chè, Cờ bạc không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ chị để mặc chị một mình lo cho gia đình. Mặc dù đã được hai bên gia đình gặp gỡ, bảo ban nhưng anh N không thay đổi. Do không thể tiếp tục chung sống với anh N nữa nên chị P đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, anh chị sống ly thân, không ai quan tâm, chăm sóc nhau từ năm 2015 đến nay nên chị xin ly hôn.

Để xác minh, làm rõ tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh N, ngày 02/11/2017, Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn đã chủ trì buổi làm việc, lấy ý kiến của chính quyền địa phương, các đoàn thể nơi Nguyên đơn và Bị đơn cư trú. Chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể đã có ý kiến:

- Giữa chị P và anh N tồn tại mâu thuẫn, vợ chồng đang sống ly thân;
- Để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng cho người phụ nữ, đề nghị Tòa án cho chị P được ly hôn với anh N.

Anh N xin đoàn tụ vợ chồng, anh cho rằng giữa hai bên ràng buộc với nhau về con cái và anh vẫn còn tình cảm với chị P nên không thể ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của anh không có căn cứ bởi các lẽ sau:

Thứ nhất, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì cơ sở tồn tại quan hệ hôn nhân là sự tự nguyện, xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau. Tuy nhiên chị P xác định anh N không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ chị, bỏ mặc chị một mình lo cho gia đình. Chị đã nói chuyện với hai bên gia đình nhiều lần để khuyên giải, bảo ban anh N nhưng anh không thay đổi. Việc này đã diễn ra cách đây nhiều năm, chị đã cố gắng chịu đựng vì các con nhưng đến nay chị không thể tiếp tục chịu đựng được nữa nên cương quyết xin ly hôn anh N.

Thứ hai, đời sống chung của vợ chồng anh N chị P thực tế đã không còn, anh chị đã sống ly thân từ năm 2015. Gia đình hai bên đã động viên, nhắc nhở, khuyên giải nhiều lần nhưng chị P vẫn tiếp tục sống ly thân với anh N.

Thứ ba, qua nhiều lần Tòa án hòa giải chị P xác định chị không còn tình nghĩa vợ chồng với anh N nữa. Mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc của vợ chồng chị không đạt được nên chị không thể quay về chung sống với anh N được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc phát triển tâm lý của các cháu nhỏ.

Căn cứ vào những đánh giá, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu xin đoàn tụ của anh N là không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh N là phù hợp khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị P, anh N có 02 (hai) con chung là cháu Hà Văn T sinh ngày 24/01/2001 và cháu Hà Thị Th, sinh ngày 18/12/2010. Khi ly hôn, chị P để cho các tự nguyện lựa chọn xin ở với bố hoặc với mẹ, anh N xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Xét thấy, cháu Th và cháu T đều trên 7 tuổi, có quyền thể hiện quan điểm của mình, cháu T xin ở với anh N, cháu Th xin ở với chị P. Do đó, cần giao cháu T cho anh N, giao cháu Th cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu và phù hợp với quy định của pháp luật.

Khi chị P, anh N có yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con thì anh, chị được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Tại đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chị P, anh N đều không đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ nêu trên. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị P, anh N là phù hợp. Khi chị P, anh N có yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức của vợ chồng thì anh chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ việc khác.

[5]. Về án phí: Chị P là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị P và anh Hà Văn N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục kèm theo của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Hà Thị P và anh Hà Văn N.
- 2. Về nuôi con chung:** Giao con chung Hà Văn T sinh ngày 24/01/2001 cho anh N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Giao con chung Hà Thị Th, sinh ngày 18/12/2010 cho chị P được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên; anh N, chị P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; các bên có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. **Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:**
Không xem xét, giải quyết.
4. **Án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Hà Thị P phải chịu 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Xác N chị P đã nộp là 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000722 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ. Nay được chuyển thành án phí.
5. **Về quyền kháng cáo:** Anh Hà Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Hà Thị P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày N được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai